TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11- 2018.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn;

2. Ông Đỗ Văn Cứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Xuân Hồng Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Kim L** - sinh năm 1974;
Địa chỉ: Tổ 4, ấp Cầu T, xã H Đ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1963.
Địa chỉ: Tổ 4, ấp Cầu T, xã H Đ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Hồ Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau năm 1993, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, Vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, ông H không lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên đi uống rượu về kiếm chuyện chửi bới, ghen tuông. Chúng tôi sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Hiện tại bà L đang nấu ăn cho T Dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh thu nhập 5.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Vũ H, sinh ngày 17/5/1994 và Hồ Thị Thanh TH, sinh ngày 28/8/2001; Hiện cháu H đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu TH đang sống với bà L, cháu mang họ của bà L là do bà L và ông H không đăng ký kết hôn nên khi làm giấy khai sinh con theo họ mẹ. Nay bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; *Về nợ chung*: bà L xác định không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Biên bản lấy lời khai ngày 21-10-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn- ông H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân; con chung; tài sản chung và nợ chung, bà L trình bày là đúng, ông H thống nhất với bà L.

Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H đồng ý ly hôn với bà L và đồng ý để bà L nuôi con chung chưa trưởng thành là Hồ Thị Thanh TH, sinh ngày 28/8/2001, ông H không cấp dưỡng nuôi con vì bà L không yêu cầu.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà L và ông H chung sống với nhau năm 1993, cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ vợ chồng của bà L ông H không có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà L và ông H là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung: Nguyễn Vũ H, sinh ngày 17-5-1994 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết; Hồ Thị Thanh TH, sinh ngày 28-8-2001, hiện đang sống với bà L, bà L và ông H thống nhất giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng cháu TH, ông H không cấp dưỡng nuôi con vì bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: bà L, ông H xác định không có tài sản và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà L pH chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: bà L và ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông H.

[2] *Về hôn nhân*: bà Hồ Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của bà L và ông H không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chung sống giữa bà L và ông H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà L và ông H là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: có 02 người: Nguyễn Vũ H, sinh ngày 17-5-1994 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết;

Hồ Thị Thanh TH, sinh ngày 28-8-2001, hiện cháu TH đang sống với bà L. Bà L và ông H thống nhất giao cháu TH cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu TH

cũng có nguyện vọng sống với mẹ và thấy bà L có khả năng nuôi con nên giao cháu TH cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận bà L không yêu cầu ông H không cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Hồ Thị Kim L pH chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị Kim L và ông Nguyễn Văn H.

2. *Về nuôi con chung*: bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hồ Thị Thanh TH, sinh ngày 28-8-2001.

Ghi nhận bà L không yêu cầu ông H không cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Hồ Thị Kim L pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018888 ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tây Ninh;
-THADS huyện Châu Thành;
-VKSND huyện Châu Thành;
- Cq cấp giấy CN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng